|  |  |
| --- | --- |
| BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI**THANH TRA BỘ** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /TTr-CN | *Hà Nội, ngày tháng năm 2024* |

**DỰ THẢO**

**ngày 24/4/2024**

# TỜ TRÌNH

**Dự thảo Thông tư quy định về** **điều kiện, tiêu chuẩn, trang phục, thẻ thanh tra chuyên ngành của người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành Giao thông vận tải; nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành Giao thông vận tải**

Kính gửi: Bộ trưởng Nguyễn Văn Thắng

Thực hiện nhiệm vụ xây dựng văn bản quy phạm pháp luật năm 2024 của Bộ Giao thông vận tải tại Quyết định số 1772/QĐ-BGTVT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ GTVT, Thanh tra Bộ trình Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về Dự thảo Thông tư quy định về điều kiện, tiêu chuẩn, trang phục, thẻ thanh tra chuyên ngành của người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành Giao thông vận tải; nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành Giao thông vận tải như sau:

**I. Sự cần thiết ban hành Thông tư**

1. Luật Thanh tra năm 2022, Nghị định số 43/2023/NĐ-CP ngày 30/6/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thanh tra, Nghị định số 03/2024/NĐ-CP ngày 11/01/2024 của Chính phủ quy định về cơ quan thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành và hoạt động của cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành đã thay thế, bãi bỏ Luật Thanh tra năm 2010 và các văn bản quy phạm pháp luật quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành, trong đó có Nghị định số 57/2013/NĐ-CP ngày 31/5/2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của thanh tra ngành GTVT.

2. Trên cơ sở quy định của Luật Thanh tra năm 2022 và các Nghị định của Chính phủ, Bộ trưởng Bộ GTVT đã ban hành Thông tư số 50/2023/TT-BGTVT ngày 31/12/2023 bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ GTVT ban hành, trong đó có một số Thông tư hướng dẫn, quy định cụ thể Nghị định 57/2013/TT-BGTVT[[1]](#footnote-1), có hiệu lực từ 01/3/2024.

3. Theo quy định của Luật Thanh tra năm 2022 và các Nghị định của Chính phủ[[2]](#footnote-2), Bộ trưởng Bộ GTVT có trách nhiệm quy định cụ thể một số nội dung, như: nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành bảo đảm không chồng chéo với chức năng, nhiệm vụ của Thanh tra Cục, cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành; quy định về trang phục, thẻ thanh tra chuyên ngành cho người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành; điều kiện, tiêu chuẩn khác đối với người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành tùy theo đặc thù của ngành, lĩnh vực.

4. Theo quy định tại khoản 2 Điều 20 Nghị định số 03/2024/NĐ-CP, Bộ GTVT có 04 cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành, gồm: Cục Đăng kiểm Việt Nam, Cục Đường sắt Việt Nam, Cục Đường bộ Việt Nam, Cục Đường thủy nội địa Việt Nam.

Từ những cơ sở pháp lý, yêu cầu thực tế nêu trên cho thấy, việc xây dựng Thông tư quy định về điều kiện, tiêu chuẩn, trang phục, thẻ thanh tra chuyên ngành của người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành GTVT; nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành GTVT là cần thiết.

**II. Quan điểm xây dựng Thông tư**

1. Bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, tính đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật và tuân thủ các quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Nghị định số 34/2016/NĐ-CP của Chính phủ (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 154/2020/NĐ-CP), Thông tư số 26/2022/TT-BGTVT ngày 20/10/2022 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Bộ GTVT.

2. Xây dựng Thông tư theo hướng quy định chi tiết các nội dung đã được Quốc hội, Chính phủ giao tại Luật Thanh tra năm 2022, Nghị định số 43/2023/NĐ-CP, Nghị định số 03/2024/NĐ-CP của Chính phủ; bảo đảm không chồng chéo với chức năng, nhiệm vụ của Thanh tra Cục, cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành; quy định về trang phục, thẻ thanh tra chuyên ngành cho người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành; điều kiện, tiêu chuẩn khác đối với người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành tùy theo đặc thù của ngành, lĩnh vực; hoàn thiện các quy định để nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực thanh tra chuyên ngành GTVT.

**III. Quá trình xây dựng Dự thảo Thông tư**

Việc xây dựng dự thảo Thông tư tuân thủ đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Nghị định số 34/2016/NĐ-CP của Chính phủ (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 154/2020/NĐ-CP), Thông tư số 26/2022/TT-BGTVT ngày 20/10/2022 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Bộ GTVT, cụ thể như sau:

1. Ngày 07/02/2024, Bộ GTVT đã có Văn bản số 1471/BGTVT-TTr phê duyệt Đề cương dự thảo Thông tư.

2. Ngày ………, Thanh tra Bộ đã trình dự thảo Thông tư.

3. Ngày …, Thanh tra Bộ đã tham mưu Văn bản số … gửi xin ý kiến các cơ quan, đơn vị có liên quan và gửi Cổng Thông tin điện tử Chính phủ, Cổng Thông tin điện tử Bộ GTVT lấy ý kiến rộng rãi đối với dự thảo Thông tư.

4. Trên cơ sở ý kiến các cơ quan, đơn vị gửi về, Thanh tra Bộ đã tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến đối với dự thảo Thông tư.

5. Ngày …, Thanh tra Bộ đã có Văn bản số … gửi Vụ Pháp chế thẩm định đối với dự thảo Thông tư.

6. Ngày …, Vụ Pháp chế đã có Văn bản số … về việc thẩm định dự thảo Thông tư.

7. Ngày …, Thanh tra Bộ đã có Văn bản số … về việc tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định đối với dự thảo Thông tư.

8. Ngày …, Thanh tra Bộ đã có Văn bản số … gửi Vụ Pháp chế đề nghị rà soát lần cuối dự thảo Thông tư trước khi trình Bộ trưởng ký ban hành.

9. Ngày …, Vụ Pháp chế đã có Phiếu rà soát lần cuối đối với dự thảo Thông tư.

**IV. Kết cấu và nội dung chính của Dự thảo Thông tư**

Dự thảo Thông tư gồm 6 chương, 20 điều và 7 phụ lục, cụ thể như sau:

**Chương I. Quy định chung**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định về điều kiện, tiêu chuẩn, trang phục, thẻ thanh tra chuyên ngành của người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành GTVT; nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành GTVT.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định về đối tượng áp dụng đối với Thanh tra Bộ GTVT, Thanh tra Cục Hàng không Việt Nam, Thanh tra Cục Hàng hải Việt Nam, Thanh tra Sở GTVT, các Cục: Đăng kiểm Việt Nam, Đường bộ Việt Nam, Đường sắt Việt Nam, Đường thủy nội địa Việt Nam; thanh tra viên, công chức thanh tra chuyên ngành và tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

**Chương II. Điều kiện, tiêu chuẩn của công chức thanh tra chuyên ngành giao thông vận tải**

Điều 3. Điệu kiện, tiêu chuẩn của công chức thanh tra chuyên ngành

Quy định các nội dung về điều kiện, tiêu chuẩn chung; điều kiện, tiêu chuẩn khác tùy theo đặc thù của lĩnh vực theo quy định tại khoản 2 Điều 25 Nghị định 03/2024/NĐ-CP.

Điều 4. Phân công, thôi phân công công chức thanh tra chuyên ngành

Quy định các nội dung về thẩm quyền phân công, thôi phân công công chức thanh tra chuyên ngành; hồ sơ đề nghị phân công công chức thanh tra chuyên ngành; quyết định phân công, thôi phân công công chức thanh tra chuyên ngành.

**Chương III. Trang phục của công chức thanh tra chuyên ngành**

Điều 5. Trang phục của công chức thanh tra chuyên ngành

Quy định các loại trang phục của công chức thanh tra chuyên ngành; mẫu trang phục công chức thanh tra chuyên ngành.

Điều 6. Quy cách, màu sắc trang phục nam

Quy định các nội dung về chất liệu, màu sắc, kiểu dáng các loại trang phục thanh tra chuyên ngành nam.

Điều 7. Quy cách, màu sắc trang phục nữ

Quy định các nội dung về chất liệu, màu sắc, kiểu dáng các loại trang phục thanh tra chuyên ngành nữ.

Điều 8. Quy cách, màu sắc trang phục khác được trang bị chung cho nam và nữ

Quy định các nội dung về chất liệu, màu sắc, kiểu dáng các loại trang phục thanh tra chuyên ngành khác dùng chung cho nam và nữ

Điều 9. Cấp hiệu

Quy định các nội dung về cầu vai của công chức thanh tra chuyên ngành; cấp hàm của công chức thanh tra chuyên ngành.

Điều 10. Tiêu chuẩn và niên hạn cấp phát trang phục

Quy định các nội dung về trang phục cấp theo niên hạn; trang phục cấp một lần.

Điều 11. Quản lý, sử dụng trang phục

Quy định các nội dung về quản lý, sử dụng trang phục thanh tra chuyên ngành; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc cấp, quản lý, sử dụng trang phục thanh tra chuyên ngành.

Điều 12. Kinh phí may, sắm trang phục

Quy định về chế độ kinh phí mua sắm trang phục cho công chức thanh tra chuyên ngành.

**Chương IV. Thẻ thanh tra chuyên ngành**

Điều 13. Thẻ thanh tra chuyên ngành

Quy định các nội dung về thẩm quyền, đối tượng được cấp, sử dụng, thời hạn sử dụng, mẫu, mã Thẻ thanh tra chuyên ngành.

Điều 14. Cấp mới, cấp đổi, cấp lại thẻ thanh tra chuyên ngành

Quy định về các trường hợp được cấp mới, cấp đổi, cấp lại; trình tự, thủ tục, hồ sơ cấp mới, cấp đổi, cấp lại thẻ thanh tra chuyên ngành.

Điều 15. Thu hồi thẻ thanh tra chuyên ngành

Quy định các nội dung về thẩm quyền thu hồi, các trường hợp thu hồi và trình tự, thủ tục thu hồi Thẻ thanh tra chuyên ngành.

Điều 16. Kinh phí in phôi, in thẻ, cấp thẻ thanh tra chuyên ngành

Quy định về kinh phí in phôi, in thẻ, cấp thẻ thanh tra chuyên ngành.

**Chương V. Nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành giao thông vận tải**

Điều 17. Nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành thuộc Bộ Giao thông vận tải

Quy định các nội dung về nhiệm vụ, quyền hạn của Thanh tra Bộ GTVT, Thanh tra Cục Hàng hải Việt Nam, Thanh tra Cục Hàng không Việt Nam, cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành thuộc Bộ GTVT.

Điều 18. Chế độ thông tin, báo cáo trong hoạt động thanh tra chuyên ngành Giao thông vận tải

Quy định về các loại báo cáo; nội dung yêu cầu báo cáo; cơ quan báo cáo, cơ quan nhận báo cáo; phương thức gửi, nhận; mẫu đề cương báo cáo; thời hạn gửi báo cáo, tần suất thực hiện báo cáo; thời gian chốt số liệu báo cáo.

**Chương VI. Tổ chức thực hiện**

Điều 19. Hiệu lực thi hành

Quy định các nội dung về hiệu lực thi hành của Thông tư; các văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực khi Thông tư có hiệu lực.

Điều 20. Tổ chức thực hiện

Quy định các tổ chức, cá nhân có trách nhiệm thi hành Thông tư.

Các Phụ lục gồm: Phụ lục I - Mẫu trang phục công chức thanh tra chuyên ngành, Phụ lục II - Mẫu hình khiên, Phụ lục III - Mẫu cấp hiệu, Phụ lục IV - Mẫu thẻ thanh tra chuyên ngành, Phụ lục V - Mẫu đề nghị cấp mới/cấp đổi/cấp lại thẻ thanh tra chuyên ngành, Phụ lục VI - Mẫu văn bản báo cáo, giải trình lý do mất và đề nghị cấp lại thẻ thanh tra chuyên ngành, Phụ lục VII - Mẫu báo cáo kết quả hoạt động thanh tra chuyên ngành

**V. Một số nội dung cần xin ý kiến Bộ trưởng**

Thanh tra Bộ báo cáo kết quả xây dựng dự thảo Thông tư và xin ý kiến Bộ trưởng về việc ban hành Thông tư quy định về điều kiện, tiêu chuẩn, trang phục, thẻ thanh tra chuyên ngành của người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành GTVT; nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành GTVT.

*Gửi kèm theo Tờ trình này:*

*1. Dự thảo Thông tư;*

*2. Bảng tiếp thu, giải trình ý kiến của các cơ quan, đơn vị đối với dự thảo Thông tư; bản chụp văn bản góp ý;*

*3. Văn bản thẩm định của Vụ Pháp chế;*

*4. Phiếu rà soát lần cuối của Vụ Pháp chế.*

Trên đây là Tờ trình của Thanh tra Bộ về Dự thảo Thông tư, kính trình Bộ trưởng./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Như trên;- Thứ trưởng Lê Anh Tuấn (để báo cáo);- Các Vụ: Pháp chế, Tổ chức cán bộ;- Văn phòng Bộ; - Lưu: TTr, PCN(Kỳ). | **CHÁNH THANH TRA** **Trịnh Thị Hằng Nga** |

1. Thông tư số 33/2013/TT-BGTVT ngày 15/10/2023 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức của Thanh tra Cục Hàng không Việt Nam; Thông tư số 34/2013/TT-BGTVT ngày 15/10/2023 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức của Thanh tra Cục Hàng hải Việt Nam; Thông tư số 64/2013/TT-BGTVT ngày 31/12/2013 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định việc thành lập, nhiệm vụ, quyền hạn của bộ phận tham mưu về công tác thanh tra chuyên ngành GTVT; Thông tư số 67/2013/TT-BGTVT ngày 31/12/2013 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về trách nhiệm của cá nhân và việc xử lý vi phạm trong công tác thanh tra của ngành GTVT; Thông tư số 02/2014/TT-BGTVT ngày 25/02/2014 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định quy trình thanh tra chuyên ngành, xử phạt vi phạm hành chính, công tác lập kế hoạch, chế độ báo cáo và quản lý nội bộ của thanh tra ngành GTVT; Thông tư số 32/2016/TT-BGTVT ngày 07/11/2016 của Bộ trưởng Bộ GTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2014/TT-BGTVT ngày 25/02/2014 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định quy trình thanh tra chuyên ngành, xử phạt vi phạm hành chính, công tác lập kế hoạch, chế độ báo cáo và quản lý nội bộ của thanh tra ngành GTVT. [↑](#footnote-ref-1)
2. Khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 43 Luật Thanh tra; Nghị định số 43/2023/NĐ-CP ngày 30/6/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thanh tra; khoản 2 Điều 25 Nghị định số 03/2024/NĐ-CP ngày 11/01/2024 của Chính phủ quy định về cơ quan thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành và hoạt động của cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành. [↑](#footnote-ref-2)